

- Safety in Developing Countries, pp.59-71.
4. **Anderson J. G., Abrahamson K. (2017)**, Your Health Care May Kill You: Medical Errors, *Stud health technol inform*, 234, pp.13-17.
 5. **Isaacs A. N., Ch'ng K. (2021)**, Hospital medication errors: a cross-sectional study, *International Journal for Quality in Health Care*, 33(1), pp.1-18.
 6. **Keers R. N., Williams S. D. (2013)**, Causes of medication administration errors in hospitals: a systematic review of quantitative and qualitative evidence, *Drug safety*, 36(11), pp.1045-1067.
 7. **Mulac A., Taxis K. (2021)**, Severe and fatal medication errors in hospitals: findings from the Norwegian Incident Reporting System, *European Journal of Hospital Pharmacy*, 28(e1), pp.56-61.
 8. **Nguyen H. T., Nguyen T. D. (2015)**, Medication errors in Vietnamese hospitals: prevalence, potential outcome and associated factors, *PLoS One*, 10(9), pp.1-12.

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CÁI TIẾN CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

Ngô Viết Lộc*, Phan Thị Thảo Nguyên*

TÓM TẮT

Mở đầu: Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh luôn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của một bệnh viện. Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế ngày càng hoàn thiện tốt hơn trong vấn đề khám chữa bệnh và chất lượng chuyên môn. Hàng năm, Bệnh viện luôn cải tiến, đưa ra ý tưởng và từ thực tế đưa ra giải pháp cho Bệnh viện hướng đến sự hài lòng người bệnh. **Mục tiêu:** Mô tả thực trạng hoạt động cải tiến chất lượng tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2019 và đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về các hoạt động cải tiến chất lượng ở đối tượng nghiên cứu. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 280 nhân viên y tế tại 11 khoa lâm sàng, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. **Kết quả:** Thực trạng cải tiến chất lượng khám chữa bệnh tại các khoa lâm sàng Bệnh viện năm 2019: Hoạt động "Thiết lập hệ thống quản lý và cải tiến chất lượng bệnh viện" đạt mức 3. Hoạt động "Phòng ngừa các sự cố y khoa và khắc phục" đạt mức 4. Hoạt động "Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng" đạt mức 4. Kiến thức, thái độ, thực hành về các hoạt động cải tiến chất lượng ở nhân viên y tế: Có kiến thức đạt về các hoạt động cải tiến chất lượng là 77,1%; có thái độ tốt đối với các hoạt động cải tiến chất lượng là 86,4% và thực hành tốt các hoạt động cải tiến chất lượng là 45,0%. **Kết luận:** Dựa vào Kiến thức, thái độ, thực hành về các hoạt động cải tiến chất lượng ở đối tượng nghiên cứu để có biện pháp tác động thích hợp.

Từ khóa: Giải pháp, cải tiến chất lượng.

SUMMARY

STUDY ON THE STATUS OF IMPROVEMENT ACTIVITIES OF HEALTHCARE SERVICES QUALITY AT HUE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL

*Trường Đại học Y Dược Huế

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Viết Lộc

Email: nvloc@huemed-univ.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.5.2022

Ngày phản biện khoa học: 30.6.2022

Ngày duyệt bài: 8.7.2022

Background: Improving healthcare service quality is always one of the first works of the hospital. Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital is getting better and better in healthcare service quality. Every year, the Hospital always improves, gives reality opinions and solutions of healthcare service quality at the Hospital towards patient satisfaction. **Objectives:** Describe the status of improvement activities of healthcare service quality at the Clinical Departments of Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital in 2019 and measure medical staff's knowledge, attitudes and practices of improvement activities of healthcare service quality. **Method:** A cross-sectional descriptive study on 280 medical staff at 11 clinical departments of Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital. **Result:** The status of improvement activities of healthcare service quality at clinical departments of the Hospital in 2019: The activity "Establishing the healthcare service quality improvement and management system" reached level 3. The activity "Prevention of medical incidents and remedial" reached level 4. The activity "Healthcare service quality assessment, measurement, cooperation and improvement" reached level 4. Staff's knowledge, attitude and practice about improvement activities of healthcare service quality: Having good knowledge about the quality improvement activities is 77.1%; having a good attitude towards the quality improvement activities is 86.4% and having a good practice of the the quality improvement activities is 45.0%. **Conclusion:** Based on the knowledge, attitude and practice of improvement activities of healthcare service quality in research subjects to take appropriate measures.

Keywords: Solutions, quality improvement.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua nhiều nghiên cứu cho thấy, ở các bệnh viện lớn, lượng bệnh nhân rất đông, được đánh giá rất cao về chuyên môn song vẫn luôn tồn tại tình trạng bệnh nhân té ngã, bị nhiễm trùng và xảy ra các sự cố y khoa nói chung. Báo cáo của Tổng thanh tra y tế Mỹ, nghiên cứu 780 bệnh án ngẫu nhiên của các người bệnh thì 13,5% người

bệnh nhập viện gặp sự cố y khoa (cứ 7 người bệnh ra viện thì có 1 người gặp sự cố y khoa thỏa mãn ít nhất 1 tiêu chuẩn xác định sự cố y khoa); 51% không thể phòng ngừa, 44% sự cố y khoa hầu như có thể phòng ngừa và 5% không xác định [9].

Các hoạt động chuyên môn sẽ không mang lại chất lượng và sự hài lòng cho người bệnh nếu như không đi kèm với các hoạt động cải tiến chất lượng khám chữa bệnh. Năm 2016, Bộ Y tế đã ban hành chính thức Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam gồm có 5 phần A, B, C, D, E [2], [3].

Cải tiến chất lượng khám chữa bệnh không chỉ dừng lại ở những người lãnh đạo mà nó phải xuất phát từ chính những nhân viên, đặc biệt là nhân viên tại các khoa lâm sàng – nơi trực tiếp chăm sóc và điều trị cho người bệnh nặng [7], [8].

Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế là bệnh viện công lập, hạng I. Lãnh đạo Bệnh viện luôn quan tâm cải tiến chất lượng khám chữa bệnh, trong đó luôn quan tâm các hoạt động cải tiến chất lượng khám chữa bệnh tại các khoa lâm sàng; đồng thời luôn chú ý đến kiến thức, thái

độ và thực hành của nhân viên y tế về các hoạt động này. Từ đó, Bệnh viện đề xuất các giải pháp để đưa các hoạt động cải tiến chất lượng thật sự đi vào thực tế. Đề tài "Nghiên cứu thực trạng hoạt động cải tiến chất lượng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế" được thực hiện với 2 mục tiêu: 1. *Mô tả thực trạng các hoạt động cải tiến chất lượng tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2019.*

2. *Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về các hoạt động cải tiến chất lượng ở đối tượng nghiên cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Chọn mẫu toàn bộ gồm 280 nhân viên y tế tại 11 khoa lâm sàng, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế từ 05/2019 – 04/2020

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang. Chúng tôi tiến hành xây dựng phiếu điều tra và thu thập số liệu bằng cách phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu với phiếu điều tra đã xây dựng.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng các hoạt động cải tiến chất lượng ở các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2019

Bảng 1. Mức điểm chất lượng từng tiêu chí các hoạt động cải tiến chất lượng

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí Hoạt động cải tiến chất lượng Bệnh viện	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
D1. Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng Bệnh viện				
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng Bệnh viện	3	3	3
D1.2	Xây dựng, triển khai kế hoạch và đề án cải tiến chất lượng	3	4	4
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng bệnh viện	4	4	4
D2. Phòng ngừa các sự cố y khoa và khắc phục				
D2.1	Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy với người bệnh	3	3	2
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	3	4	4
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	5	4	4
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4	4	4
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	4	4	3
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng				
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4	4	4
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	4	4	4
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	4	4

- Đối với các hoạt động "Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng" (D1):

+ Tiêu chí D1.1 "Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện": đạt mức 3. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 thì điểm tiêu chí này vẫn giữ mức điểm 3 (Mức khá). Các khoa lâm sàng cần xây dựng hoạt động cải tiến chất lượng cụ

thể và đầy đủ để đạt được kết quả tốt hơn.

+ Tiêu chí D1.2 "Xây dựng, triển khai kế hoạch và đề án cải tiến chất lượng" đạt mức 3. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 thì năm 2019 thì mức điểm giảm từ 4 xuống 3. Để cải tiến mức điểm, về phía các khoa lâm sàng cần xây dựng kế hoạch/đề án cải tiến chất lượng phù hợp với

đơn vị mình.

+ Tiêu chí D1.3 "Xây dựng văn hoá chất lượng bệnh viện" đạt mức 4. Các khoa lâm sàng đã áp dụng quy trình 5S trong cải tiến chất lượng và đã có nhiều hình thức lấy ý kiến của người bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế [1]. So sánh với kết quả năm 2017 và 2018, điểm tiêu chí này đã giữ mức 4 (Mức tốt).

- Đối với các hoạt động "Phòng ngừa các sự cố y khoa và khắc phục (D2)

+ Tiêu chí D2.1 "Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy với người bệnh" đạt mức 3. So sánh kết quả đánh giá năm 2017 (Đạt mức 2) có cải thiện, so với năm 2018 vẫn giữ mức điểm 3. Để cải tiến mức điểm, về phía các khoa lâm sàng cần chủ động xây dựng các bảng kiểm để đánh giá, kịp thời phát hiện nguy cơ.

+ Tiêu chí D2.2 "Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục" đạt mức 3. Theo thống kê và xem số phiếu báo cáo thì các khoa lâm sàng vẫn còn báo cáo hạn chế và rất ít. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 thì tiêu chí này có giảm một điểm từ 4 xuống 3. Để cải tiến mức điểm, về phía các khoa lâm sàng cần có hình thức khuyến khích, động viên nhân viên y tự nguyện báo cáo sự cố y khoa [5].

+ Tiêu chí D2.3 "Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa" đạt mức 5 (Mức cáo nhất). So sánh kết quả năm 2017 và 2018 thì điểm tiêu chí tăng từ 4 lên 5 điểm (Mức cao nhất).

+ Tiêu chí D2.4 "Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ" đạt mức 4. Các khoa có áp dụng các nhiều hình thức khác để phòng ngừa nguy cơ nhầm lẫn trên người bệnh. So sánh kết quả năm 2017 năm 2018 vẫn giữ mức đạt 4 (Mức tốt).

+ Tiêu chí D2.5 "Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã" đạt mức 4. Các khoa đã có chủ động rà soát các vị trí có nguy cơ té ngã

song chưa có bảng kiểm để rà soát cụ thể, chưa mô tả phân tích nguy cơ. Giường bệnh có thiết kế thanh chắn an toàn cho bệnh nhân cao tuổi, bệnh nhi, bệnh nặng. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 thì mức điểm tăng từ mức 3 (2017) lên mức 4 (2018).

- Đối với các hoạt động "Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng" (D3)

+ Tiêu chí D3.1 "Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện" đạt mức 4. Các khoa lâm sàng đều nhận được kế hoạch tự đánh giá chất lượng Bệnh viện theo 83 tiêu chí của Bộ Y tế. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 vẫn giữ nguyên mức 4 (Mức tốt).

+ Tiêu chí D3.2 "Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện" đạt mức 4. Các khoa lâm sàng có xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng riêng cho mình như năng lực chuyên môn, an toàn, hiệu suất... [5]. Tuy nhiên có một số chỉ số chất lượng chưa đạt trưng cho đơn vị. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 vẫn giữ nguyên mức 4 (Mức tốt).

+ Tiêu chí D3.3 "Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện" đạt mức 4. Chưa có hình thức khuyến khích nhân viên tham gia và đóng góp vào việc xây dựng các chính sách, tiêu chuẩn, tiêu chí quản lý chất lượng. So sánh kết quả năm 2017 và 2018 vẫn giữ nguyên mức 4 (Mức tốt).

2. Kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên y tế của các khoa lâm sàng về các hoạt động cải tiến chất lượng

Bảng 2. Kiến thức chung của nhân viên y tế của các khoa lâm sàng về các hoạt động cải tiến chất lượng

Kiến thức	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Đạt	216	77,1%
Chưa đạt	64	22,9%

Bảng 3. Kiến thức của nhân viên y tế về từng nhóm các hoạt động cải tiến chất lượng

Kiến thức về từng nhóm hoạt động cải tiến chất lượng	Đạt		Chưa đạt	
	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng	246	87,9	34	12,1
Phòng ngừa sự cố và khắc phục	174	62,1	106	37,9
Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng	246	87,9	34	12,1

Kiến thức của nhân viên y tế về các hoạt động cải tiến chất lượng có tỷ lệ đạt chiếm 77,1%. Nguyên nhân có thể Thông tư 43/2019/TT-BYT vừa mới ban hành trong năm 2019 nên có một số nhân viên chưa hiểu biết kỹ và đúng các nội dung. Cần phổ biến rộng rãi

Thông tư đến tất cả nhân viên của Bệnh viện.

- Thái độ chung của nhân viên y tế đối với các nhận định hoạt động cải tiến chất lượng

Bảng 4. Thái độ chung của nhân viên y tế đối với các nhận định hoạt động cải tiến chất lượng

Thái độ	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tốt	242	86,4
Chưa tốt	38	13,6

Bảng 5. Thái độ của nhân viên y tế đối với từng nhận định về các hoạt động cải tiến chất lượng

Các nhận định về các hoạt động cải tiến chất lượng	Tốt		Không tốt	
	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Các hoạt động cải tiến chất lượng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc và điều trị bệnh nhân	266	95,0	14	5
Nỗ lực của mỗi cá nhân có vai trò nhất định đối với mức chất lượng của các hoạt động cải tiến	256	91,4	24	8,6
Sự tham gia của Lãnh đạo bệnh viện, Ban chủ nhiệm khoa/phòng đóng vai trò quan trọng việc triển khai hiệu quả các hoạt động cải tiến chất lượng	260	92,9	20	7,1
Đào tạo và cập nhật kiến thức liên quan đến quản lý chất lượng là hoạt động cần thiết trong cải tiến chất lượng	252	90,0	28	10,0
Các hoạt động cải tiến chất lượng cần được theo dõi, giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện thường xuyên và định kỳ	244	87,1	36	12,9
Điều kiện cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng tại Bệnh viện ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng	258	92,1	22	7,9
Kết quả triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sẽ ảnh hưởng đến kết quả đánh giá chất lượng của Bệnh viện	260	92,9	20	7,1
Công tác khen thưởng, động viên nhân viên y tế tham gia vào các hoạt động cải tiến chất lượng cần được Bệnh viện quan tâm	268	95,7	12	4,3

Nhân viên có thái độ tốt đối với các hoạt động cải tiến chất lượng, chiếm tỷ lệ cao 86,4%. Nhân viên đều nhận thấy được tầm quan trọng của các hoạt động cải tiến chất lượng chiếm 95,0%; đồng ý với nhận định rằng mỗi cá nhân có vai trò nhất định đối với kết quả đạt được của các hoạt động cải tiến chất lượng chiếm 91,4%; nhân viên cũng hầu như đồng ý với việc lãnh đạo Bệnh viện và khoa đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động này chiếm 92,9%. Các hoạt động đào tạo, cập nhật kiến thức về quản lý chất lượng cần được quan tâm hơn, chiếm 90,0%. Các hoạt động cải tiến chất lượng cần được theo dõi, giám sát đánh giá thường xuyên, chiếm 87,1%. Và điều kiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp

đến việc triển khai cải tiến chất lượng, chiếm 92,1%. Các hoạt động cải tiến chất lượng nằm trong tiêu chí đánh giá cải tiến chất lượng cuối năm và đạt 92,9%. Vấn đề khuyến khích, động viên nhân viên tham gia vào các hoạt động cải tiến chất lượng cần được quan tâm hơn, chiếm 95,7%.

- Thực hành của nhân viên y tế đối với các hoạt động cải tiến chất lượng

Bảng 6. Tham gia/Thực hành của nhân viên y tế đối với các hoạt động cải tiến chất lượng

Thực hành	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tốt	126	45,0
Chưa tốt	154	55,0

Bảng 7. Tham gia/Thực hành của nhân viên y tế đối với từng hoạt động cải tiến chất lượng

Các hoạt động cải tiến chất lượng	Tốt		Không tốt	
	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tham gia vào việc xây dựng, triển khai kế hoạch và đề án cải tiến chất lượng khoa/phòng mình	239	85,4	41	14,6
Tham gia vào việc xây dựng văn hóa chất lượng bệnh viện hoặc khoa/phòng	254	90,7	26	9,3
Tham gia vào việc phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	256	91,4	24	8,6
Tham gia vào việc xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích và đề xuất giải pháp khắc phục sự cố y khoa	174	62,1	106	37,9

Tham gia vào việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu sự cố y khoa	187	66,8	93	33,2
Tham gia vào việc đảm bảo xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ y tế	229	81,8	51	18,2
Tham gia vào việc phòng ngừa nguy cơ người bệnh té ngã	228	81,4	52	18,6
Tham gia vào việc đánh giá tiêu chí chất lượng Bệnh viện	39	13,9	241	86,1
Tham gia vào việc đo lường, giám sát CTCL tại khoa phòng	30	10,7	250	89,3
Tham gia vào việc hợp tác cùng cơ quan quản lý BHYT trong việc đề xuất công cụ quản lý chất lượng	27	9,6	253	90,4

Đối với thực hành thì sự tham gia vào các hoạt động cải tiến chất lượng kết quả cho ta thấy nhân viên chủ yếu tích cực tham gia vào các hoạt động liên quan trực tiếp đến người bệnh: xây dựng kế hoạch, xây dựng văn hóa đơn vị, phòng ngừa nguy cơ diễn biến xấu xảy ra, phòng ngừa té ngã, tham gia báo cáo sự cố y khoa, xác định chính xác người bệnh... Còn các hoạt động đánh giá tiêu chí, đo lường, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng, hợp tác cơ quan quản lý mặc dù cũng có tham gia, tuy nhiên còn hạn chế [9].

IV. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu các hoạt động cải tiến chất lượng khám chữa bệnh trên 280 nhân viên y tế tại 11 khoa Lâm sàng, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2019, chúng tôi có một số kết luận sau: Các hoạt động cải tiến chất lượng khám chữa bệnh đạt mức mức 3 (Mức khá) và mức 4 (Mức tốt). Về kiến thức, thái độ và thực hành đối với các hoạt động cải tiến chất lượng: 77,1% có kiến thức đạt; 86,4% có thái độ tốt và 45,0% tham gia thực hành tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BỘ Y TẾ (2013)**, Chỉ thị 09/CT-BYT ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tăng cường tiếp nhận và xử lý ý kiến phản ánh của người dân về chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh thông qua đường dây nóng.
- BỘ Y TẾ (2013)**, Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện, Số 4858/QĐ-BYT, Tr.3
- BỘ Y TẾ (2016)**, Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện phiên bản 2.0, Số 6858/QĐ-BYT, Tr.9
- BỘ Y TẾ (2016)**, Quyết định số 7051/QĐ-BYT về việc ban hành hướng dẫn xây dựng thí điểm một số chỉ số cơ bản đo lường chất lượng bệnh viện
- BỘ Y TẾ (2018)**, Thông tư 43/2018/TT-BYT về việc hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Cục quản lý khám chữa bệnh (2019)**, Thực hiện các giải pháp toàn cầu về an toàn người bệnh
- Ngô Việt Lộc (2017)**, Nghiên cứu đánh giá chất lượng bệnh viện tại Trung tâm Y tế huyện Phú Vang dựa trên 83 tiêu chí đánh giá chất lượng BV của Bộ Y tế.
- Trịnh Thị Lý (2014)**, "Thực trạng các Bệnh viện quận/huyện ở Hải phòng, đánh giá theo bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện và một số đề xuất, giải pháp", Y học thực hành 907 – số 3/2014.
- Đặng Thị Minh Phượng (2014)**, Đánh giá một số hoạt động cải tiến chất lượng bệnh viện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh hòa năm 2014.

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG DINH DƯỠNG CỦA BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH NAM ĐỊNH

Ngô Văn Thư*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ suy dinh dưỡng và một số chỉ số hóa sinh dinh dưỡng của bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định.
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Tất cả các bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định từ 01/02/2022 đến 01/05/2022,

*Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Văn Thư

Email: ngovanthund@gmail.com

Ngày nhận bài: 23.5.2022

Ngày phản biện khoa học: 30.6.2022

Ngày duyệt bài: 11.7.2022

đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Cân nặng (kg) trung bình của bệnh nhân nam và nữ ở nhóm tuổi dưới 65 tuổi cao hơn cân nặng ở nhóm tuổi bằng và trên 65 tuổi. Theo BMI, có 52,4% bệnh nhân có nguy cơ suy dinh dưỡng, theo SGA là 51,7% và theo MNA là 43,2%. Tỷ lệ bệnh nhân dưới 65 tuổi thiếu máu, thiếu Albumin là 25,5% và 1,0%, trong khi bệnh nhân trên hoặc bằng 65 tuổi là 34,2% và 2,7%. **Kết luận:** Cân nặng trung bình ở nhóm tuổi dưới 65 tuổi cao hơn nhóm tuổi bằng và trên 65 tuổi. Tỷ lệ thiếu máu, thiếu Albumin ở nhóm tuổi dưới 65 thấp hơn nhóm tuổi bằng và trên 65 tuổi. Cần kết hợp các phương pháp khác nhau để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ở các nhóm tuổi khác nhau.